

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4062 /QĐ - ĐT ngày 29 tháng 11 năm 2012
của Giám đốc ĐHQGHN)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh

+ Tiếng Anh: English

- Mã số ngành đào tạo: 52220201

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 04 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân ngành Ngôn Ngữ Anh
(Chương trình Chất lượng cao)

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in English Language
(Honors Program)

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh chất lượng cao theo định hướng chuyên ngành phiên dịch đào tạo ra những nhà chuyên môn có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về tiếng Anh và sử dụng thành thạo tiếng Anh (ít nhất tương đương mức C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu); linh hoạt trong các năng lực cơ bản như xác định và giải quyết vấn đề, tìm hiểu nghiên cứu sâu các vấn đề về ngôn ngữ nói chung, ngôn ngữ Anh nói riêng; có những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước hay quốc tế, mà ở đó tiếng Anh được sử dụng như một ngoại ngữ, hay ngôn ngữ quốc tế; có

kiến thức về xã hội văn hóa rộng lớn; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

3. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng dự thi: Thí sinh có trình độ tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học hàng năm do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh của ĐHQGHN và của trường ĐH Ngoại ngữ.

- Khối thi: Khối D1. Môn thi: Toán, Văn, Ngoại ngữ. Trong đó môn Ngoại ngữ là tiếng Anh (D1), tính hệ số 2.

- Sau khi trúng tuyển vào ngành Ngôn ngữ Anh của trường ĐHNN-ĐHQGHN, thí sinh đăng ký dự thi vào chương trình Chất lượng cao với hai vòng thi: thi khả năng nắm bắt kiến thức ngôn ngữ thông qua bài thi viết và thi khả năng phản xạ về ngoại ngữ (bao gồm cả phát âm) thông qua bài thi vấn đáp.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung trong ĐHQGHN

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin - học thuyết khoa học và chân chính nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

- Nhớ và giải thích được các kiến thức cơ bản về thông tin, nguyên lý Von Neumann, mạng truyền thông. Sử dụng được các công cụ xử lý thông tin thông dụng (hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet ...). Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ. Hiểu và áp dụng thành thạo các kiến thức cơ bản về lập trình quản

lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ trong các trường hợp cụ thể.

- Trình độ ngoại ngữ 2 tối thiểu đạt chuẩn B2 theo khung tham chiếu Châu Âu. Hiểu ý chính của văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trù tượng kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình. Giao tiếp ở mức độ trôi chảy và tự nhiên để có thể giao tiếp thường xuyên với người bản ngữ mà không làm cho bên giao tiếp nào bị căng thẳng. Viết văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe, đề phòng chấn thương. Vận dụng được những kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao cộng đồng.

- Hiểu rõ nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào chiến đấu trong điều kiện tác chiến thông thường.

1.2. Kiến thức chung theo lĩnh vực

- Nắm được các kiến thức cơ bản về địa lý thế giới, có vốn hiểu biết tốt về địa lý, và thể hiện được các kiến thức đó bằng tiếng Anh.

- Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học thống kê trong học tập và nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đào tạo.

- Có khả năng tìm hiểu và khám phá mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tầm quốc gia hay quốc tế và đóng góp vào việc bảo vệ môi trường tại địa phương.

1.3. Kiến thức chung của khối ngành

- Nắm vững và vận dụng được những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó có lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam.

- Nắm được bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa học, dụng học tiếng Việt để

phục vụ việc học tập và nghiên cứu ngoại ngữ, phát triển chuyên môn, nghề nghiệp sau này.

- Nắm vững kiến thức thực hành tiếng Việt như tiếp nhận văn bản, tạo lập văn bản nhằm tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt

- Nắm vững và hiểu biết tri thức văn hoá – xã hội, nghệ thuật, phát triển năng lực tư duy phê phán, hình thành phương pháp học tập ngoại ngữ có hiệu quả.

1.4. Kiến thức chung của nhóm ngành

- Nắm bắt và áp dụng được những khái niệm cơ bản trong Ngữ âm học và Âm vị học tiếng Anh, phát âm đúng sử dụng trong việc phiên dịch và góp phần nâng cao mức độ chuẩn xác về mặt phát âm.

- Nắm vững những vấn đề cơ bản của ngữ nghĩa học tiếng Anh và những kỹ năng phân tích ngữ nghĩa.

- Nắm bắt được những vấn đề cơ bản của ngữ pháp tiếng Anh, vận dụng được những kiến thức về những vấn đề đó trong công việc chuyên môn.

- Với các môn học thực hành tiếng nâng cao so với chương trình chuẩn, sinh viên chương trình Chất lượng cao có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh ở trình độ C1+ theo Khung tham chiếu châu Âu và có thể sử dụng năng lực này trong quá trình nghiên cứu và hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học..

- Vận dụng kiến thức khái quát về văn hóa, văn học, giao thoa văn hóa các nước nói tiếng Anh bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các kỹ năng thuyết trình, phân tích phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và kỹ năng tranh luận, nâng cao vốn từ vựng, các kỹ năng tiếng Anh.

- Sử dụng tốt tiếng Anh ở mức độ đạt trình độ C1 theo khung tham chiếu châu Âu; có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

- Với các môn học thực hành tiếng nâng cao so với chương trình chuẩn, sinh viên chương trình Chất lượng cao có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh ở trình độ C1+ theo Khung tham chiếu châu Âu và có thể sử dụng tốt năng lực này trong quá trình biên dịch, phiên dịch

1.5. Kiến thức ngành và bổ trợ

- Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ biên dịch và phiên dịch phục vụ công tác biên, phiên dịch.

- Thông qua việc tích lũy thêm 15 tín chỉ so với chương trình chuẩn, sinh viên chương trình chất lượng cao sẽ nắm bắt được những kiến thức chuyên sâu và nâng cao về nghiệp vụ biên dịch, phiên dịch, có năng lực phân tích đánh giá bản dịch, có năng lực tiếng mở rộng ở một số phạm vi như kinh tế, du lịch, luật, tài chính v.v.

1.6. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp

- Thông qua chương trình thực tập phiên dịch, cử nhân ngành Tiếng Anh vận dụng các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ phiên dịch đã học vào công việc thực tiễn tại các văn phòng, công ty, đồng thời mở rộng các kỹ năng cần thiết khác của người phiên dịch, làm quen với thực tế thị trường và xã hội, trở nên tự tin với nghề nghiệp hơn.

- Thông qua khối kiến thức khóa luận tốt nghiệp được thực hiện theo hình thức sinh viên tiến hành một dự án nghiên cứu theo chuyên ngành được đào tạo dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Thông qua việc làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên có cơ hội nghiên cứu sâu về một vấn đề chuyên môn, phát triển khả năng phân tích, tư duy phê phán, v.v.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng cứng

2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có khả năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ năng học và tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp.

- Có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả biên phiên dịch tiếng Anh. Biết phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới.

- Có kỹ năng nghề nghiệp: nhận thức được quyền của người phiên dịch, đạo đức nghề nghiệp của biên/phiên dịch, hợp đồng, tiền lương, làm quen với các quá

trình biên tập khác nhau và tích lũy trải nghiệm thực tế của nghề biên/phiên dịch qua các loại hình thực tập, tập sự, nhất là vào những năm cuối.

- Có khả năng áp dụng nền kiến thức rộng kết hợp sâu sắc những khái niệm lý thuyết

- Có khả năng áp dụng những khái niệm lý thuyết và kỹ năng chuyên môn, sáng tạo vào các tình huống khác nhau.

- Có khả năng chịu trách nhiệm về sản phẩm thông tin mình dịch về cả chất lượng và số lượng.

- Có khả năng thường xuyên đưa ra những đánh giá, phán đoán có giá trị.

- Có khả năng nhận diện và tôn trọng các loại văn bản, quy ước và văn phong của các loại thuyết trình.

- Có khả năng tách rời ra khỏi việc dịch máy móc hướng tới việc dịch có tư duy và liên tục cập nhật.

- Có khả năng ghi nhớ thông tin, phát âm, giọng điệu tốt.

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn đất nước. Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng để xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong nghiên cứu, học tập và công hiến, đóng góp cho cuộc sống xã hội.

- Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực dịch.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

Hình thành các giả thuyết, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, tham gia nghiên cứu thực nghiệm, kiểm định giả thuyết và ứng dụng để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công tác.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

Tư duy logic, có hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực dịch nói riêng và các vấn đề kinh tế - văn hóa - xã hội nói chung.

2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

Có năng lực xã hội hóa, khả năng thích nghi xã hội và môi trường công tác. Hiểu biết xã hội, thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế;

2.1.6. Bối cảnh tổ chức

- Nắm vững chiến lược, kế hoạch, mục tiêu và văn hóa của tổ chức để làm việc thành công. Thích ứng nhanh với sự thay đổi của tổ chức trong sự vận động của nền kinh tế thế giới hiện đại.

- Có khả năng tự chủ trong giải quyết vấn đề; khả năng nhận diện và giải quyết vấn đề; khuyến khích sáng tạo và tự tin khi làm biên dịch, hiểu biết và sử dụng các chiến lược, khả năng quyết định mức độ tin cậy dựa theo công việc biên dịch và chức năng văn bản, học cách đáp ứng nhu cầu khách hàng, khả năng dịch chất lượng và tốc độ, vượt qua được những áp lực, đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường, kỹ năng tự đánh giá và đánh giá chéo.

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng để thực hiện công việc, phân tích, xử lý các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công việc.

- Có khả năng tìm hiểu đối tượng và môi trường làm việc, có phương pháp thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của đối tượng, về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế sử dụng các thông tin thu được vào công tác biên phiên dịch tiếng Anh.

2.1.8. Năng lực sáng tạo phát triển và dẫn dắt sự thay đổi nghề nghiệp

Sáng tạo, dẫn dắt và phát triển nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, học tập suốt đời, phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết và khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thực tế.

2.2. Kỹ năng mềm

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

Chăm chỉ, nhiệt tình và say mê công việc; quản lý tốt thời gian và nguồn lực cá nhân; thích ứng với sự phức tạp của thực tế; tự đánh giá kết quả công việc, hoàn thành

công việc đúng hạn, đặt mục tiêu, tự phát triển bản thân, tự trau dồi và phát triển nghề nghiệp.

2.2.2. Kỹ năng làm việc nhóm

Hình thành nhóm làm việc hiệu quả; vận hành và phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm (quản lý, phân công nhiệm vụ, phối hợp cá nhân trong nhóm, sử dụng các phương pháp động viên...), làm việc trong các nhóm khác nhau.

2.2.3. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

Có khả năng lãnh đạo, quản lý những thay đổi hoặc áp dụng những tiến bộ mới trong các hoạt động nghề nghiệp.

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp

- Giao tiếp tốt bằng văn bản và lời nói (trao đổi, thuyết trình), truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và viết.

- Có khả năng áp dụng những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tinh tế trong các hoàn cảnh cụ thể và đa dạng.

2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ ít nhất tương đương trình độ C1+ theo Khung tham chiếu châu Âu.

- Có thể giao tiếp được bằng ngoại ngữ khác với trình độ tương đương B2 trở lên.

2.2.6. Kỹ năng công nghệ thông tin

- Sử dụng thành thạo các công cụ tin học như các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn (EView, SPSS...); thành thạo trong việc tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Có khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết các vấn đề thông dụng. Sử dụng tốt một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể. Có khả năng phân tích, đánh giá và lập trình quản lý thông qua macro và mô đun đơn giản trong Visual Basic.

- Các kỹ năng máy tính cần thiết: làm quen với vị trí làm việc của người phiên dịch, dịch có trợ giúp của máy tính, dịch tự động có sự trợ giúp của con người, học từ

các nguồn điện tử: dữ liệu và tiếp cận tới các nguồn số hoá, đơn phương (web) và 2 chiều (email), giao tiếp từ xa...

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Xác định rõ Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam, nền tảng tư tưởng cho mọi hoạt động trong thực tiễn; học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, bồi dưỡng và nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước; có phong cách và lối sống lành mạnh, dám hy sinh, phấn đấu cho lý tưởng.

- Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, có ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.

- Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức; nhiệt tình, say mê sáng tạo; có tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa; có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh và điều kiện, môi trường làm việc, can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; luôn có ý thức học hỏi, không ngừng trau dồi năng lực và có khát vọng vượt khó, vươn lên để thành đạt.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy; hành vi chuyên nghiệp, tự tôn dân tộc; say mê trong công việc, tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn.

- Đảm bảo tính liêm chính, công bằng, vô tư, không phân biệt đối xử trong nhiệm vụ biên-phiên dịch, trung thành với văn bản (nói/viết) nguyên gốc, không thêm bớt, chỉnh sửa hay bóp méo nội dung thông tin và ý định giao tiếp của tác giả phát ngôn.

- Đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng trong nhiệm vụ biên-phiên dịch; có thái độ đúng đắn và hiểu tầm quan trọng của nhiệm vụ biên phiên dịch; có tính kiên trì, say mê công việc, có hành vi chuyên nghiệp; thực hiện đầy đủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp.

- Có khả năng quản lí thời gian, kĩ năng thích ứng, kĩ năng học và tự học, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kĩ năng phân tích, tổng hợp.

- Ứng xử tốt thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp;

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

Xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1 – Biên dịch viên/Phiên dịch viên/Biên tập viên: có khả năng làm việc độc lập với tư cách là một biên dịch viên các văn bản viết hoặc một phiên dịch viên cho các cuộc gặp gỡ tiếp xúc song phương thông thường và cấp lãnh đạo cơ quan, biên tập viên tại các nhà xuất bản có xuất bản phẩm là tiếng Anh, biên tập và truyền tin hàng ngày ở các vị trí phiên dịch, biên tập viên, phóng viên và chuyên gia hiệu đính bản tin các chương trình thời sự, văn hóa xã hội của các cơ quan thông tấn, báo chí, đài truyền hình, đài phát thanh... Đáp ứng nhu cầu giao tiếp quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân, trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội

Nhóm 2 – Thư ký văn phòng/Trợ lý đối ngoại/Hướng dẫn viên du lịch: có khả năng làm việc trong các văn phòng các công ty nước ngoài, liên doanh hoặc công ty Việt Nam, phụ trách các mảng công việc liên quan đến đối ngoại, hợp tác, kinh doanh, xuất nhập khẩu, du lịch với các đối tác nước ngoài, tham gia đàm phán, giao dịch, kí kết hợp đồng kinh doanh, theo dõi hợp đồng liên quan, lập kế hoạch, chương trình đón tiếp khách quốc tế, tổ chức các tour du lịch, xử lý các công việc có liên quan đến năng lực nói, viết tiếng Anh.

Ngoài ra nếu người học có nhu cầu chuyển sang công tác giảng dạy tiếng Anh thì sau khi hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, người học có thể tham gia giảng dạy tiếng Anh tại các trường Đại học, Cao đẳng và THPT.

Người học có thể tiếp tục nghiên cứu ngôn ngữ Anh và học lên trình độ cao học cùng chuyên ngành.

Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh chương trình đào tạo Chất lượng cao có thể vận dụng các kỹ năng cứng và mềm cần thiết đảm nhiệm các vị trí công tác đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của xã hội cũng như bắt nhịp được với những thay đổi nhanh chóng của thực tiễn đời sống xã hội; đặc biệt, cử nhân chương trình đào tạo Chất lượng cao có thể làm chủ, dẫn dắt sự thay đổi cần thiết theo hướng tích cực.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	148 tín chỉ
- Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN:	32 tín chỉ
<i>(Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN và kỹ năng mềm)</i>	
- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:	6/15 tín chỉ
- Khối kiến thức chung của khối ngành:	8 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>6</i> tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>2/14</i> tín chỉ
- Khối kiến thức chung của nhóm ngành:	57 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>48</i> tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>9/18</i> tín chỉ
- Khối kiến thức ngành và bổ trợ:	36 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>18</i> tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>18/27</i> tín chỉ
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:	9 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung <i>(Không tính các môn học từ số 10 đến số 12)</i>	32				

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	17	28		
6		Ngoại ngữ A1	4	16	40	4	
7		Ngoại ngữ A2	5	20	50	5	NN A1
8		Ngoại ngữ B1	5	20	50	5	NN A2
9		Ngoại ngữ B2	5	20	50	5	NN B1
10		Giáo dục thể chất	4				
11		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8				
12		Kỹ năng mềm	3				
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực	6/15				
13	ENG1001	Địa lý đại cương	3	27	15	3	ENG5009*
14	ENG1002	Môi trường và phát triển	3	27	15	3	ENG5010*
15	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	15	15		
16	MAT1092	Toán cao cấp	4	42	18		
17	MAT1101	Xác suất thống kê	3	27	18		MAT1092
III		Khối kiến thức chung của khối ngành	8				
III.1		Bắt buộc	6				
18	HIS1052	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	30	10	5	
19	VLF1052	Nhập môn Việt Ngữ học	3	30	10	5	

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
III.2		Tự chọn	2/14				
20	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	20	6	4	
21	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	15	13	2	
22	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	6	4	
23	FLF1003	Tư duy phê phán	2	15	13	2	
24	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	20	10		
25	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	22	7	1	
26	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	20	8	2	
IV		Khối kiến thức chung của nhóm ngành	57				
IV.1		Khối kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa	21				
IV.1.1		Bắt buộc	12				
27	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	27	15	3	ENG5010*
28	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	27	15	3	ENG5010*
29	ENG2052	Đất nước học Anh-Mỹ	3	27	15	3	ENG5010*
30	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	27	15	3	ENG5010*
IV.1.2		Tự chọn	9/18				
31	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	27	15	3	ENG2056
32	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	27	15	3	ENG2056
33	ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	27	15	3	ENG2056
34	ENG2086	Các chủ đề trong Đất nước học Mỹ	3	27	15	3	ENG5010*
35	ENG2053	Văn học các nước nói	3	27	15	3	ENG501

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		tiếng Anh					0*
36	ENG2087	Các chủ đề trong Đất nước học Anh	3	27	15	3	ENG5010*
IV.2		Khối kiến thức tiếng	36				
37	ENG5001*	Tiếng Anh 1A*	4	16	40	4	
38	ENG5002*	Tiếng Anh 1B*	4	16	40	4	ENG5001*
39	ENG5003*	Tiếng Anh 2A*	4	16	40	4	ENG5002*
40	ENG5004*	Tiếng Anh 2B*	4	16	40	4	ENG5003*
41	ENG5005*	Tiếng Anh 3A*	4	16	40	4	ENG5004*
42	ENG5006*	Tiếng Anh 3B*	4	16	40	4	ENG5005*
43	ENG5007*	Tiếng Anh 4A*	4	16	40	4	ENG5006*
44	ENG5008*	Tiếng Anh 4B*	4	16	40	4	ENG5007*
45	ENG5009*	Tiếng Anh 3C*	2	5	20	5	
46	ENG5010*	Tiếng Anh 4C*	2	5	20	5	
V		Khối kiến thức ngành và bổ trợ	36				
V.1		Bắt buộc	18				
47	ENG3049	Lý thuyết dịch	3	30	10	5	
48	ENG3062	Phiên dịch	3	20	20	5	
49	ENG3030	Biên dịch	3	20	20	5	
50	ENG3006	Biên dịch nâng cao	3	10	30	5	ENG3030
51	ENG3064	Phiên dịch nâng cao	3	10	30	5	ENG3062
52	ENG3032	Các kỹ năng chuyên nghiệp cho biên/phiên dịch	3	18	24	3	ENG3030, ENG3062
V.2		Tự chọn	18/27				

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
V.2.1		<i>Các môn học chuyên sâu</i>	12/15				
53	ENG3063	Phiên dịch chuyên ngành	3	15	25	5	
54	ENG3031	Biên dịch chuyên ngành	3	15	25	5	
55	ENG3061	Đánh giá chất lượng văn bản dịch	3	15	25	5	
56	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	20	20	5	
57	ENG3029	Báo chí trực tuyến (Online journalism)	3	25	15	5	
V.2.2		<i>Các môn học bổ trợ</i>	6/12				
58	ENG3072	Tiếng Anh kinh tế	3	27	15	3	
59	ENG3073	Tiếng Anh Tài chính- Ngân hàng	3	27	15	3	
60	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	27	15	3	
61	ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	27	15	3	
VI		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	9				
62	ENG4002	Thực tập	3				
63	ENG4052	Khoá luận tốt nghiệp	6				
		Tổng cộng	148				

